

**5. Trách nhiệm thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong:**

Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại mục 3 Phần IV Thông tư liên tịch số 16/1999/TTLT-BLĐTBXH-TWĐTNCSHCM được sửa đổi, bổ sung như sau:

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ do tỉnh Đoàn, thành Đoàn bàn giao, thẩm định và đăng ký quản lý danh sách; tổ chức thực hiện việc chi trả trợ cấp hàng tháng theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Đối với khoản trợ cấp một lần, Sở lập 5 bản tổng hợp gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (3 bản) kèm theo công văn để thống nhất với Bộ Tài chính cấp phát kinh phí.

Căn cứ kinh phí được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức việc chi trả trợ cấp một lần và thanh quyết toán đúng chế độ kế toán hiện hành.

**6. Tổ chức thực hiện:**

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây trái với quy định của Thông tư này đều bãi bỏ.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung ương Đoàn để hướng dẫn giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

*Thứ trưởng*

**NGUYỄN ĐÌNH LIÊU**

KT. Bí Thư thứ nhất

Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh

*Bí thư*

**VŨ VĂN TÁM**

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ - ỦY BAN QUỐC GIA DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH - ỦY BAN BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ liên tịch số 32/2001/TTLT-BTCCBCP-UBQGDSKHHGD-UBBVCSTEVN ngày 06/6/2001 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ở địa phương.**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 12/2001/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Chính phủ về việc tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ở địa phương như sau:

**I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

**1. Về chức năng:**

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh) là cơ

quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số, gia đình, trẻ em trên địa bàn tỉnh; tổ chức sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội của tỉnh nhằm thực hiện luật, công ước quốc tế, các chính sách, chương trình, dự án, kế hoạch về dân số, gia đình và trẻ em ở tỉnh.

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh chịu sự lãnh đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh có con dấu và tài khoản tại Kho bạc nhà nước.

## 2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch 10 năm, 5 năm, hàng năm, chương trình mục tiêu các dự án về dân số, gia đình và trẻ em theo chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức việc thực hiện kế hoạch, chương trình đó sau khi được phê duyệt;

Quản lý có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các chương trình mục tiêu về dân số, gia đình và trẻ em ở tỉnh;

2.2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa một số chủ trương, chính sách, chiến lược về dân số, gia đình và trẻ em, phù hợp với tình hình, đặc điểm ở tỉnh;

Ban hành các văn bản nghiệp vụ chuyên môn về công tác dân số, gia đình và trẻ em ở tỉnh và tổ chức hướng dẫn thực hiện;

2.3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy

định của pháp luật, cơ chế, chính sách và chương trình hành động về lĩnh vực dân số, gia đình, trẻ em; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền;

2.4. Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp với các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội ở tỉnh về công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động mọi tầng lớp nhân dân, các gia đình nhằm thực hiện chính sách dân số, gia đình và trẻ em; tổ chức thực hiện "Ngày Dân số", "Ngày Gia đình Việt Nam" và "Tháng hành động vì trẻ em" hàng năm.

2.5. Ở những tỉnh có các hội hoạt động về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em thì Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các hội này;

2.6. Thực hiện dịch vụ tư vấn về dân số, gia đình, trẻ em;

2.7. Vận động các tổ chức và cá nhân trong nước, nước ngoài để bổ sung nguồn lực cho Quỹ Bảo trợ trẻ em; hướng dẫn và kiểm tra việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em;

2.8. Tổ chức thu thập, xử lý, lưu trữ và phổ biến thông tin về dân số, gia đình, trẻ em phục vụ cho quản lý, điều phối chương trình dân số, gia đình và trẻ em của tỉnh và cả nước;

Tổ chức phân tích, đánh giá tình hình thực hiện luật, công ước, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động, về dân số, gia đình và trẻ em; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam;

2.9. Tổ chức việc nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào công tác dân số, gia đình, trẻ em ở tỉnh;

2.10. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên

môn cho cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em ở tỉnh.

### 3. Tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh:

#### 3.1. Lãnh đạo Ủy ban gồm có:

- Chủ nhiệm;
- Các Phó Chủ nhiệm chuyên trách;
- Các Ủy viên kiêm nhiệm là đại diện lãnh đạo của các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Thể dục thể thao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh và mời lãnh đạo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia là thành viên. Ngoài các thành phần nêu trên, căn cứ vào điều kiện và tình hình cụ thể ở địa phương mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ sung thêm các thành viên khác, như: Sở Tư pháp, Hội Cựu chiến binh và Bộ đội biên phòng (đối với những tỉnh miền núi có biên giới quốc gia).

Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam ban hành.

Các Ủy viên kiêm nhiệm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh.

#### 3.2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:

Bộ máy Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh có Văn phòng và một số phòng chuyên môn nghiệp vụ. Căn cứ đặc điểm, tình hình cụ thể ở địa phương, tính chất, khối lượng nhiệm vụ, yêu cầu quản lý nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng các phòng chuyên môn

và Văn phòng nhưng bảo đảm ở những tỉnh có dân số từ 1.500.000 người trở lên không quá 4 phòng chuyên môn, ở những tỉnh có dân số dưới 1.500.000 người không quá 3 phòng chuyên môn.

Biên chế của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng số biên chế được giao.

#### 3.3. Các đơn vị sự nghiệp, bao gồm:

- Quỹ Bảo trợ trẻ em;
- Trung tâm Tư vấn, dịch vụ dân số, gia đình và trẻ em.

Cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp nêu trên thực hiện theo quy định hiện hành.

## II. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ NHIỆM VỤ VỀ CÔNG TÁC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH, TRẺ EM Ở QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

(sau đây gọi chung là huyện)

1. Xây dựng kế hoạch 10 năm, 5 năm, hàng năm, chương trình mục tiêu, các dự án về dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình, các dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách về dân số, gia đình, trẻ em;

Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em thuộc thẩm quyền;

3. Quyết định kế hoạch phối hợp với các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội ở huyện thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động mọi tầng lớp nhân dân, các gia đình trong việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thực hiện chính sách dân số và

xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững; tổ chức thực hiện "Ngày Dân số", "Ngày Gia đình Việt Nam", "Tháng hành động vì trẻ em" hàng năm;

4. Thực hiện một số chương trình, dự án về dân số, gia đình, trẻ em ở huyện theo sự hướng dẫn của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh; tổ chức vận động, xây dựng, quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện; thực hiện, lồng ghép và quản lý các nguồn lực theo chương trình, mục tiêu; thực hiện dịch vụ tư vấn về dân số, gia đình, trẻ em; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em;

5. Tổ chức thu thập, lưu trữ và phổ biến thông tin về dân số, gia đình, trẻ em phục vụ cho quản lý, điều phối chương trình dân số, gia đình và trẻ em ở huyện; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh;

6. Tổ chức việc ứng dụng kết quả nghiên cứu và tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào công tác dân số, gia đình, trẻ em ở huyện;

7. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em ở huyện.

Để giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về công tác dân số, gia đình và trẻ em, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2001/NĐ-CP của Chính phủ và đặc điểm, tình hình ở địa phương, quyết định tổ chức làm công tác dân số, gia đình và trẻ em ở huyện theo hướng: thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em là một cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc bố trí công chức làm việc theo chế độ chuyên viên, tham mưu cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân số, gia đình, trẻ em trên địa bàn huyện.

Biên chế công chức làm công tác dân số, gia đình và trẻ em do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong tổng biên chế được giao.

### III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH, TRẺ EM Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(sau đây gọi chung là xã)

1. Thực hiện kế hoạch hàng năm về công tác dân số, gia đình, trẻ em theo kế hoạch, chương trình công tác do Ủy ban nhân dân huyện giao;

2. Tổ chức việc hướng dẫn, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chủ trương, cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch về dân số, gia đình, trẻ em; tổ chức thực hiện "Ngày dân số", "Ngày gia đình Việt Nam" và "Tháng hành động vì trẻ em";

3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, cơ chế, chính sách về dân số, gia đình, trẻ em ở xã;

4. Thực hiện chương trình, dự án từ các nguồn tài trợ trong và ngoài nước do Ủy ban nhân dân huyện giao; xây dựng và quản lý việc sử dụng có hiệu quả Quỹ Bảo trợ trẻ em xã và các nguồn vốn dành cho công tác dân số, gia đình và trẻ em;

5. Quản lý hoạt động của mạng lưới cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em đến tận thôn, xóm, bản, tổ nhân dân để cung cấp dịch vụ, tư vấn và thu thập thông tin làm báo cáo định kỳ liên quan đến hoạt động dân số, gia đình và trẻ em.

Căn cứ quy định của pháp luật và nhiệm vụ công tác dân số, gia đình và trẻ em ở xã nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể việc tổ chức và hoạt động của Ban Dân số, Gia đình và Trẻ em xã.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Mục I, II, III trong Thông tư liên tịch số 13/1998/TTLT-BTCCBCP-BVCSTEVN ngày 07/1/1998 của Ban Tổ chức -

Cán bộ Chính phủ và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam và thay thế các Mục I, II, III trong Thông tư liên Bộ số 31/TTLB ngày 10/11/1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình.

2. Ban Tổ chức chính quyền tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam để nghiên cứu giải quyết./:

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức -  
Cán bộ Chính phủ

**ĐỖ QUANG TRUNG**

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc gia  
Dân số và Kế hoạch hóa gia đình

**TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN**

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và  
Chăm sóc trẻ em Việt Nam

**TRẦN THỊ THANH THANH**

**TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN - BỘ CÔNG AN**

**THÔNG TƯ liên tịch số 01/2001/TTLT-  
TCBD-BCA ngày 07/6/2001 hướng  
dẫn việc bảo đảm an toàn mạng  
lưới và an ninh thông tin trong  
hoạt động bưu chính, viễn thông.**

Ngày 12 tháng 11 năm 1997, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP về bưu

chính và viễn thông. Để thi hành các quy định của Nghị định này, Tổng cục Bưu điện và Bộ Công an thống nhất hướng dẫn một số điểm về bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông như sau:

## I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây viết gọn là cơ quan, tổ chức, cá nhân) bao gồm bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh đối với việc thiết lập mạng lưới bưu chính, viễn thông; cung cấp và sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát vô tuyến điện; thi công lắp đặt công trình bưu chính, viễn thông.

2. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông đều phải chấp hành pháp luật về bưu chính, viễn thông; có trách nhiệm bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông; chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin của Tổng cục Bưu điện, Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## II. BẢO ĐẢM AN TOÀN MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Việc bảo đảm an toàn mạng lưới bưu chính, viễn thông thực hiện như sau:

1. Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an xem xét, thẩm định danh mục công trình bưu chính, viễn thông trọng điểm do doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đề xuất để trình Chính phủ phê duyệt danh mục công trình